

Bản án số: 230/2022/DS-PT

Ngày 24 – 8 – 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1953 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, Tp Cà Mau, Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, phường 8, TP Cà Mau, Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của bà B1, bà T1: Bà Nguyễn Thị S1 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Long Hình sinh năm: 1985 - Văn phòng Luật sư Huỳnh Quốc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Công Trứ, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Bé S2 (Văn Sáu), sinh năm 1960 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Thanh B2, sinh năm 1953 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, Thới B, Cà M ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957 (vợ ông B2, xin vắng mặt)

2. Bà Lưu Mai L, sinh năm 1970 (vợ ông S1, xin vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1992 (con ông S1, bà L, có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, Thới B, Cà M ..

4. Chị Nguyễn Trúc Mai (con ông S1, bà L, xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bến Gỗ, xã Hồ Thị Kỷ, Thới Bình, Cà Mau.

5. Anh Nguyễn Chí N2, sinh năm 1989 (con ông B2, bà H, có mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Kim N3 (con ông B2, bà H, xin vắng mặt)

7. Bà Trịnh Bạch T2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, Thới B, Cà M ..

8. Ông Nguyễn Văn T3 (con ông Thanh, vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bà Bèo, xã Lương Thế Trân, Cái Nước, Cà Mau

9. Bà Nguyễn Thị M2 (con ông Thanh, vắng mặt)

10. Chị Trần Kim N4 (con bà M2, vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, Cà Mau

11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh Cường – Phó giám đốc Chi nhánh huyện Thới Bình (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-6-2020 các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Phần đất thứ nhất: Các điểm M1, M2, M3, M6 giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Thanh B2, diện tích 1296m² thửa số 311 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1364. Do ông B2, bà H đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Phần đất thứ hai: Các điểm M3 M4, M5, M6 giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Bé S2, diện tích 1296m² thửa số 312 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1143. Do ông S1, bà L đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông, bà nội của bà S1,7,8 là Nguyễn Văn Điền và bà Trịnh Thị Hóa khai phá. Sau khi ông Điền và bà Hóa chết để lại cho con là ông Hoanh chung sống cùng với ông Điền và bà Hóa khi còn sống; (là cha ruột của ông S1 và ông B2) canh tác. Ông Điền và bà Hóa có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Hoanh (Oanh), ông Nguyễn Văn Thanh chết năm 2007 (là cha ruột của bà S1, bà B1, bà T1); bà Nguyễn Thị Nhàn (đã chết); bà Nguyễn Thị Bè (đã chết); bà Nguyễn Thị Gọn hiện còn sống.

Năm 1979. Do hoàn cảnh của ông Hoanh khó khăn nên ông Thanh giao đất cho ông Hoanh canh tác. Sau khi ông Thanh giao đất cho ông Hoanh thì ông Hoanh không canh tác đất mà giao đất cho con là ông B2 và ông S1 canh tác.

Năm 2004 thân tộc gồm ông Hoanh, bà Bè, bà Gọn, bà Nhàn có họp lại phân chia đất của ông Điền, bà Hoá để lại, chia mỗi người 02 công đất, phần của ông Thanh được chia là 02 công, nhưng ông Bé Sáu, ông B2 không chấp nhận giao đất.

Vị trí cụ thể của phần đất tranh chấp thì bà S1 không biết, vì thời điểm ông Thanh được chia 02 công đất theo biên bản họp thân tộc năm 2004 thì do ông B2 và ông S1 đang quản lý đất tranh chấp. Lúc họp thân tộc không mời ông B2 và ông S1 tham dự, vì nghĩ ông Thanh, ông Hoanh là anh em ruột và những người khác đều còn sống nên họ có quyền chia đất của cha mẹ để lại.

Sau thời điểm họp thân tộc năm 2004 thì ông Thanh không canh tác được 02 công đất được chia, do ông Hoanh có kêu ông B2 và ông S1 giao đất nhưng ông B2 và ông S1 không đồng ý giao đất cho ông Thanh.

Bà S1 yêu cầu ông Bé Sáu, ông B2 giao trả 02 công đất mà ông Thanh được chia theo biên bản họp thân tộc năm 2004. Đất tọa lạc tại ấp Xóm Sờ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Thanh B2 trình bày:

Phần đất tranh chấp hiện nay do hộ gia đình ông B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông nội của ông là ông Điền khai phá canh tác đến năm 1963. Sau năm 1963 do ông Điền già yếu nên giao đất cho ông Hoanh canh tác (vì ông Hoanh chung sống với ông Điền) đến năm 1980 thì ông Hoanh chia đất cho ông B2 ra ở riêng, ông B2 canh tác đất đến năm 2000 ông Hoanh ủy quyền cho ông B2 đi kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B2 được ông Hoanh chia 07 công tầm 03m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông B2 đang quản lý. Năm 1978, thì ông B2 canh tác đất liên tục cho đến nay, không ai tranh chấp, ông Thanh không gặp ông đòi 02 công đất như bà S1 trình bày.

Việc họp thân tộc ngày 06/12/2004 ông B2 không thừa nhận, vì ông không có tham dự cuộc họp này.

Ông B2 không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của bà S1.

Ông Nguyễn Bé S2 trình bày:

Phần đất tranh chấp hiện do hộ gia đình ông S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000. Thời điểm năm 2000 hộ gia đình ông S1 gồm có: Ông S1, vợ ông S1 là bà L và 02 người con là Nguyễn Trúc Mai, Nguyễn Trọng N1. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông bà nội ông S1 là ông Điền, bà Hóa để lại cho ông Hoanh, sau khi ông Hoanh chết để lại đất cho ông S1 canh tác đến nay (vì ông S1 ở cùng với ông Hoanh). Ông Hoanh sử dụng đất từ năm 1954. Năm 2000 ông S1 được ông Hoanh ủy quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình. Đến năm 2004 ông S1 làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất ông Hoanh để lại cho ông S1 sử dụng hiện nay có diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10.500m².

Việc họp thân tộc ngày 06/12/2004 để chia đất ông S1 không thừa nhận, vì ông không có tham dự cuộc họp này.

Ông S1 không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của bà S1.

Đại diện ngân hàng NN&PTNT Việt Nam trình bày:

Ngày 30/10/2020 ông Nguyễn Bé S2 có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng để vay số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/10/2022, mục đích sử dụng vốn là nuôi tôm, trồng lúa, số tiền lãi tính đến ngày 07/7/2021 là 6.189.041 đồng. Tổng vốn và lãi là 96.189.041 đồng. Nếu trong quá trình giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ trả nợ và tài sản thế chấp thì yêu cầu ông S1 thanh toán tiền vốn và lãi cho ngân hàng. Nếu không có liên quan đến nghĩa vụ trả nợ và tài sản thế chấp thì ngân hàng xin rút lại yêu cầu độc lập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Bé S2, ông Nguyễn Thanh B2 giao đất.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam với ông Nguyễn Bé S2.

3. Về thành quả lao động: Không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 phải tự chịu số tiền 6.438.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/5/2022 bà Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S1, Bảy, Tám.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà S1 là nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bà B1 và Tám vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông, bà trong thân tộc, cho nên việc thân tộc họp năm 2004 để chia đất là hoàn toàn có căn cứ phù hợp, cuộc họp cũng có đầy đủ các anh em. Vì vậy yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà S1, Bảy, Tám. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà S1, Bảy, Tám yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp, nguyên đơn và bị đơn, đều thừa nhận của ông Nguyễn Văn Điền (chết năm 1966) và bà Trịnh Thị Hóa (chết năm 1932). Ông Thạnh và ông Hoanh đều là con của ông Điền, bà Hóa.

Bà S1, Bảy, Tám là đồng nguyên đơn và con ruột của ông Thạnh cho là năm 1979 có cho ông Hoanh mượn đất. Việc cho mượn đất không có giấy tờ gì chứng minh. Ông S1 và ông B2 là bị đơn không thừa nhận. Các bên trình bày không khớp nhau.

[2] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế ngày 20/4/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau như sau:

Phần đất thứ nhất: Diện tích 1.296m² thửa số 311 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1364, tại Ấp X, xã H, Thới B, Cà M .. Do ông B2, bà H đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Phần đất thứ hai: Diện tích 1.296m² thửa số 312 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1143, tại Ấp X, xã H, Thới B, Cà M .. Do ông S1, bà L đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Phần đất này, ông Hoanh đã canh tác quản lý sử dụng năm 1979 trước khi Luật đất đai năm 1987 có hiệu lực. Từ thời điểm năm 1979 đến nay không có căn cứ tài liệu nào chứng minh ông Thạnh sử dụng phần đất tranh chấp. Các nguyên đơn bà S1, Bảy, Tám chỉ căn cứ vào tờ họp thân tộc năm 2004 về việc chia đất để khởi kiện. Về vị trí phần đất cũng không nắm rõ tứ cận và hiện trạng. Tại biên bản họp thân tộc năm 2004 có ông Oanh ký tên. Trong khi hai phần đất tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp đất cho ông S1 và ông B2. Việc ông S1 và ông B2 được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào việc ông Hoanh là cha cho đất các con từ trước năm 2000. Như vậy thời điểm này ông Oanh không có quyền định đoạt hai phần đất nêu trên.

[3] Bản thân ông Thanh không có ý kiến gì, từ năm 1979 đến khi Luật đất đai năm 1987, 1993 suốt thời gian dài ông Thanh cũng không đăng ký kê khai hoặc có sổ mục kê, sổ địa chính địa phương. Việc hợp thân tộc không có mặt ông S1, ông B2 là người đang được cấp đất và quản lý đất, là chủ thể có quyền định đoạt đối với phần đất trên, cho nên biên bản hợp thân tộc không có giá trị. Tại lời khai lời khai của ông Trịnh Văn Bang là người sống lâu đời tại địa phương và người trong thân tộc, nắm rõ nguồn gốc phần đất, xác định phần đất tranh chấp trước đây có cầm cố cho địa chủ thời Pháp, sau đó do ông Hoanh đã xuất tiền ra chuộc lại và canh tác sử dụng, sau đó mới chia cho hai người con; Lời khai của bà Nguyễn Thị Bê là em ruột của ông Thanh và ông Hoanh. Xác định phần đất này của ông, bà cố cho địa chủ thời Pháp, ông Hoanh đứng ra chuộc lại và sử dụng cho đến nay. Ông Thanh không quản lý sử dụng và theo biên bản hợp thân tộc bà Bê và hai người chị không nhận đất và giao lại cho ông Hoanh canh tác thờ cúng ông bà, nội. Tại Biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, các nguyên đơn cũng thừa nhận ông Thanh không có canh tác trên đất, phần đất để lại cho ông Hoanh canh tác.

Năm 2000 ông Nguyễn Văn Sáu và ông Nguyễn Văn Bình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2004 thay đổi làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trồng lá và theo hồ sơ cấp đất của ông S1 và ông B2 là từ cha chuyển sang con, không phải giấy cấp đất lần đầu cho ông S1 và ông B2.

Từ các phân tích đối chiếu trên cho thấy ông Hoanh đã canh tác sử dụng trên phần đất này từ năm 1979, sau đó đã chia cho các con. Do đó yêu cầu của bà S1, Bảy, Tám không được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4] Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã rút yêu cầu độc lập nên cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, để chứng minh cho việc kháng cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà S1, Bảy, Tám.

[5] Chi phí thẩm định đo đạc tổng cộng số tiền 6.438.000 đồng (đo đạc 5.938.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định 500.000 đồng). Do yêu cầu của bà S1, Bảy, Tám không được chấp nhận nên bà S1, Bảy, Tám phải tự chịu đã nộp xong.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S1, Bảy, Tám và giữ nguyên bản án sơ thẩm, lời đề nghị này phù hợp với các nhận định trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S1, bà B1, bà T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà S1, bà B1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T1 phải chịu án phí số tiền 1.296.000 đồng ($1296m^2 \times 2 \times 30.000\text{đồng} \times 5\%/3$) bà T1 đã nộp tạm ứng án phí

số tiền 648.000 đồng. Được đối trừ bà T1 phải nộp tiếp số tiền 648.000 đồng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại án phí.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà S1, B1, T1 phải chịu theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Bé S2, ông Nguyễn Thanh B2 giao trả hai phần đất.

Phần đất thứ nhất: Diện tích 1296m² thửa số 311 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1364, tại Ấp X, xã H, Thới B, Cà M .. Do ông B2, bà H đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Phần đất thứ hai: Diện tích 1296m² thửa số 312 tờ bản đồ số 299 nay là thửa số 1143, tại Ấp X, xã H, Thới B, Cà M .. Do ông S1, bà L đang quản lý sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

(Theo biên bản đo đạc ngày 20/4/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau)

2. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đối với ông Nguyễn Bé S2.

3. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 6.438.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1 được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí số tiền 1.296.000 đồng (một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Ngày 31/3/2022 bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 648.000 đồng, (lai thu số 0014846). Được đối trừ bà T1 phải nộp tiếp số tiền 648.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải nộp. Ngày 13/7/2021 Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.405.000 đồng (Hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) lai thu số 0011706) được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 31/5/2022, Bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng lai số 0015003 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

